

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM BẢNG  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2021

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Bùi Thị Nguyệt.

**Các Hội thẩm nhân dân:** + Bà Nguyễn Thị Khánh.  
+ Ông Đinh Tuấn Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXX- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

**Bị đơn:** Anh Lê Anh Tú, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Tr, xã Th, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn xin ly hôn và quá trình xét xử, chị Trần Thị H là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Lê Anh T kết hôn với nhau là tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện K, tỉnh Hà Nam, ngày 29 tháng 4 năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng với mẹ đẻ anh T tại thôn Tr, xã Th, huyện K. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường

xuyên xảy ra bất đồng quan điểm và sống không tôn trọng nhau, ai thích làm gì gì làm. Vợ chồng chị sống ly thân mỗi người một nơi và chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ tháng 01/2010 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Anh Lê Anh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Lê Anh T có hai con chung là cháu Lê Nguyệt H, sinh ngày 25/7/2005 và cháu Lê Ngọc Ph, sinh ngày 29/11/2007. Hiện nay cả cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn nguyện vọng của chị H xin được nuôi hai cháu H và Ph, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp, công nợ: Không có.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lê Anh T. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyệt H, sinh ngày 25/7/2005 và cháu Lê Ngọc Ph, sinh ngày 29/11/2007 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị H. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lê Anh T là bị đơn; nơi cư trú: Thôn Tr, xã Th, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Lê Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Lê Anh T kết hôn với nhau tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 4 năm 2004 tại UBND xã Th, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm và sống không tôn trọng nhau. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi và chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ tháng 01/2010 cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương và lời trình bày của đương sự thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Lê Anh T có hai con chung là cháu Lê Nguyệt Hà, sinh ngày 25/7/2005 và cháu Lê Ngọc Ph, sinh ngày 29/11/2007. Hiện nay cả cháu đang ở với chị H được chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục bảo đảm tốt về mọi mặt, ý kiến của cháu H và cháu Ph xin được ở với mẹ và nguyện vọng của chị H khi ly hôn xin được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Xét yêu cầu nuôi con của chị H là tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57; Điều 58 ; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lê Anh T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyệt H, sinh ngày 25/7/2005 và cháu Lê Ngọc Ph, sinh ngày 29/11/2007 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào khoản tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0004287 ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị H đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm, chị Hường có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Nguyệt**

